

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRIẾT HỌC TÔN GIÁO CỦA *LUDVIG FEUERBACH*

LÊ CÔNG SỰ^(*)

Triết học tôn giáo là phần chiếm vị trí chủ đạo trong hệ thống triết học của nhà triết học duy vật cổ điển Đức - *Ludvig Feuerbach* (1804- 1872). Trong cuộc đời hoạt động khoa học của mình, ông đã dành phần lớn thời gian cho việc nghiên cứu và phê phán tôn giáo. "Tư tưởng đầu tiên của tôi - Feuerbach viết - là Thượng Đế, thứ hai - lí tính, thứ ba và cuối cùng là con người"⁽¹⁾. Điều đó cũng đã được chứng thực bằng việc ra đời của các tác phẩm nổi tiếng của ông về đề tài tôn giáo: *Bàn về cái chết và sự bất tử của linh hồn* (1830); *Bản chất của Kitô giáo* (1841); *Bản chất của tôn giáo* (1845); *Tập bài giảng về bản chất của tôn giáo* (gồm 30 bài, mà ông đã đọc từ tháng 10 năm 1848 đến tháng 3 năm 1849 theo yêu cầu của sinh viên).

Có thể nói, tư tưởng cơ bản bao quát toàn bộ triết học tôn giáo của Feuerbach là chủ nghĩa vô thần được xây dựng trên nền tảng lí luận của chủ nghĩa duy vật nhân bản. Vấn đề này thể hiện khá rõ trong quan niệm sau đây của nhà triết học khi ông bàn về nguồn gốc và bản chất của tôn giáo.

1. Quan niệm của Feuerbach về nguồn gốc tôn giáo.

Trong *Tập bài giảng về bản chất của tôn giáo* Feuerbach viết: "Vấn đề có phải

Thượng Đế sáng tạo nên thế giới hay không, nói chung vấn đề về mối quan hệ giữa Thượng Đế với thế giới là vấn đề về mối quan hệ giữa tinh thần và cảm tính, giữa cái chung hay cái trừu tượng với cái hiện thực, giữa loài và cá thể... đây là vấn đề quan trọng và nan giải của nhận thức loài người và triết học. Toàn bộ lịch sử triết học đều xoay quanh vấn đề này, từ cuộc tranh luận giữa những người thuộc phái Khắc kỷ và phái Epicure, giữa những người thuộc phái Platon và phái Aristote, giữa phái hoài nghi và phái giáo điều trong triết học cổ đại, cho đến cuộc đấu tranh giữa những người duy thực và duy danh trong thời trung cổ, đến cuộc đấu tranh giữa những người duy tâm và kinh nghiệm trong thời cận đại"⁽²⁾. Tuy lịch sử triết học đã đặt ra vấn đề như vậy, song theo Feuerbach câu trả lời hoàn toàn chưa thoả đáng. Để trả lời dứt khoát được vấn đề trên, cần phải bắt đầu từ việc nghiên cứu nguồn gốc của tôn giáo, mà cụ thể là phải tiếp cận vấn đề từ ba khía cạnh cơ bản: Tâm lí, nhận thức, xã hội.

1.1. Nguồn gốc tâm lí của tôn giáo.

Theo Feuerbach việc nghiên cứu nguồn gốc của tôn giáo phải xuất phát từ

*. TS, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

1. L. Feuerbach. *Các tác phẩm triết học*. Matxcova 1955, t. I, tr. 265 (tiếng Nga).

2. Feuerbach. *Sđd.*, t. II, tr. 623.

việc nghiên cứu bản chất con người và đời sống hiện thực của nó. Muốn làm được việc đó thì cần phải nhờ vào sức mạnh của lí tính. Ông viết: "Đối với tôi, trước đây cũng như bây giờ, điều quan trọng nhất là làm sáng rõ bản chất tối tăm của tôn giáo bằng ngọn đuốc của lí tính"⁽³⁾. Với cách đặt vấn đề như vậy, ông đã phát hiện ra ba khía cạnh cơ bản tạo tiền đề cho sự ra đời của tôn giáo, trong đó nguồn gốc tâm lí là chiếc chìa khoá để gọt mở các nguồn gốc khác.

Feuerbach bắt đầu khảo sát nguồn gốc tâm lí của tôn giáo từ việc phân biệt sự khác nhau giữa con người và động vật: "Tôn giáo thể hiện sự khác biệt cơ bản giữa con người và loài vật, ở loài vật không có tôn giáo... sự khác biệt cơ bản giữa loài người và loài vật là gì? Câu trả lời chung rất đơn giản là: đó là sự khác nhau trong ý thức đúng với nghĩa chân chính của từ này... bởi ý thức theo nghĩa chính xác chỉ có ở chỗ, khi chủ thể có khả năng nhận thức được loài của mình, bản chất của mình. Động vật nhận biết mình như một cá thể, bởi vậy nó chỉ làm chủ được quá trình tự cảm giác mà thôi chứ không phải như một loài... động vật sống đơn giản một mình, còn con người sống có bầu có bạn. Đời sống nội tâm của con vật hoà đồng với bên ngoài, còn con người sống với cả hai chiều: nội tâm và bên ngoài. Đời sống nội tâm của con người liên quan mật thiết với loài và bản chất của nó. Con người suy nghĩ, bàn luận và nói với chính mình... bản chất của con người trong sự khác biệt với động vật tạo nên nền tảng và đối tượng của tôn giáo"⁽⁴⁾.

Dựa trên cơ sở lí luận của chủ nghĩa nhân bản, Feuerbach cho rằng yếu tố quan trọng hàng đầu tạo tiền đề cho sự

xuất hiện tôn giáo đó là trạng thái tâm lí của con người. "Thượng Đế không phải là thực thể sinh lí hay thực thể vũ trụ- Feuerbach viết- mà là thực thể tâm lí"⁽⁵⁾. Chính sự xúc cảm mạnh, sự chiêm nghiệm hay trạng thái đau khổ của con người là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo. Nhưng sự chiêm nghiệm hay trạng thái đau khổ, trạng thái xúc cảm không phải là hiện tượng có tính chủ quan như chủ nghĩa duy tâm chủ quan quan niệm, mà chúng có tính khách quan, nghĩa là gắn liền với các hiện tượng tự nhiên và đời sống xã hội. "Tôn giáo là giấc mơ của tinh thần con người - Feuerbach viết- nhưng trong giấc mơ đó chúng ta không phải ở trên bầu trời mà ở trên mặt đất - trong vương quốc của hiện thực, chúng ta nhìn thấy các đối tượng của hiện thực không phải trong thế giới thực tế của tính tất yếu mà là trong thế giới say mê của trí tưởng tượng và sự kì quặc. Nhiệm vụ của tôi là bóc trần bản chất đích thực của tôn giáo và triết học tư biện hay thần học, chuyển thế giới nội tâm ra thế giới bên ngoài, nghĩa là biến đổi tượng tượng thành đối tượng hiện thực"⁽⁶⁾. Trên tinh thần như vậy, ông phê phán các quan điểm cho rằng, tôn giáo là hiện tượng có tính ngẫu nhiên hoặc có tính bẩm sinh.

Theo Feuerbach, tình cảm tôn giáo cũng như các ý niệm và biểu tượng của nó luôn thay đổi theo sự thay đổi của lịch sử xã hội loài người. Từ lập trường của chủ nghĩa nhân bản, Feuerbach cho rằng, trong con người luôn có những ham muốn, nhu cầu, khát vọng và thái độ ích

3. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 516.

4. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 29-31.

5. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 328.

6. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 23.

kỉ. Những nhu cầu sinh học và trạng thái tâm sinh lí này có thể được đáp ứng hoặc có thể không được đáp ứng; từ đó gây nên trong con người hai xu hướng trạng thái tâm lí: hoặc sợ hãi, bất lực, nỗi buồn chán, đau khổ (nếu con người gặp những điều bất hạnh) hoặc sự ngưỡng mộ, kính phục, lòng biết ơn (nếu con người gặp những thuận lợi). "Tôn giáo là sự phản ánh thời thơ ấu của nhân loại - Feuerbach viết - hay là: trong tôn giáo con người là đứa trẻ. Đứa trẻ không thể thực hiện ý muốn của mình bằng sức mạnh của nó, phải nhờ đến một tồn tại mà nó cảm thấy lệ thuộc... tôn giáo có nguồn gốc xuất hiện, có chỗ đứng chân chính, có ý nghĩa trong thời thơ ấu của nhân loại"⁽⁷⁾.

Ở đây, khi nghiên cứu vấn đề tôn giáo Feuerbach phải nhờ vào những tư liệu của lịch sử và khảo cổ học, theo đó thì con người nguyên thủy là con người cảm tính chứ không phải con người lí tính. Đời sống của người nguyên thủy hàng ngày phải tiếp xúc với muôn vàn sự vật, hiện tượng đa dạng của giới tự nhiên như mặt trăng, mặt trời, sấm sét, bão lụt, giông tố, sông sâu, biển rộng, núi non hiểm trở, rừng rậm, cây cao... và lẽ dĩ nhiên là con người phải lệ thuộc vào chúng để tồn tại. Từ đó làm phát sinh tâm lí hay tình cảm lệ thuộc trong con người đối với giới tự nhiên: "Điều mục đầu tiên của tôi trong *Bản chất của tôn giáo* có thể nói một cách vắn tắt là: cơ sở của tôn giáo là tình cảm về sự lệ thuộc của con người. Trong ý nghĩa đầu tiên, giới tự nhiên chính là đối tượng của tình cảm lệ thuộc này. Vì vậy, giới tự nhiên nói chung là khách thể đầu tiên của tôn giáo"⁽⁸⁾. "Từ trước tới giờ đối tượng của các bài giảng của tôi chính là ở

chỗ, tình cảm về sự lệ thuộc chính là cơ sở và nguồn gốc của tôn giáo... còn đối tượng của sự lệ thuộc đó chính là *giới tự nhiên*"⁽⁹⁾. Vậy tại sao giới tự nhiên lại trở thành đối tượng đầu tiên bắt buộc con người phải lệ thuộc? Feuerbach giải thích như sau:

Thứ nhất, bởi giới tự nhiên là đối tượng cảm giác trực tiếp của con người, là cái tác động hàng ngày, hàng giờ lên các giác quan nhận biết của con người: "Cái bắt con người lệ thuộc, cái mà con người cảm thấy lệ thuộc, cái mà từ đó con người biết được sự lệ thuộc của mình chính là *giới tự nhiên, là đối tượng* của cảm giác, tất cả những ấn tượng mà giới tự nhiên tạo ra cho con người thông qua các cảm giác đều có thể trở thành lí do của sự sùng bái tôn giáo"⁽¹⁰⁾.

Thứ hai, sự sùng bái giới tự nhiên còn bắt nguồn từ việc trong quá trình sống, do thể chất yếu ớt của mình, con người thường có tâm lí sợ hãi các hiện tượng của giới tự nhiên, dẫn đến tình trạng bất lực trước các hiện tượng đó: "Quan niệm về sức mạnh vô biên như là đặc tính cơ bản của thần thánh xuất hiện và phát triển trong con người, đặc biệt khi con người so sánh hành động của mình với hành động của tự nhiên. Con người không thể tạo nên cây cỏ, không làm nên bão tố và thời tiết, không thể làm sáng loé như chớp, gào thét như sấm... tất cả những hiện tượng tự nhiên này vượt trội sức mạnh của con người, làm cho con người cảm thấy bất lực. Chính vì vậy, thực thể tạo nên các hiện tượng đó đối với

7. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 723.

8. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 518.

9. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 577.

10. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 540.

con người là một thực thể siêu nhân - thực thể có tính thần thánh"⁽¹¹⁾.

Thứ ba, như một hiện tượng tâm lí, tình cảm lệ thuộc vào giới tự nhiên của con người gắn liền với quan niệm về đời sống tâm linh của nó, hay nói cụ thể hơn là gắn liền với quan niệm về cái chết. Theo quan điểm hiện đại, con người là một thực thể tự nhiên - sinh học, nên nó cũng phải tuân theo quy luật sinh - lão - bệnh - tử. Nhưng người nguyên thủy thì chưa thể hiểu được điều đó, họ cho rằng sự đau ốm, chết chóc chính là sự trừng phạt của thánh thần; bởi vậy, "tình cảm về sự lệ thuộc và tình cảm về sự hữu hạn của đời người là đồng nhất với nhau. Con người luôn có ý thức rằng vào một lúc nào đó nó sẽ chết. Giá như con người không chết, giá như nó sống vĩnh viễn, nói tóm lại *nếu như không có cái chết thì sẽ không có tôn giáo*"⁽¹²⁾. Luận điểm này của Feuerbach thực ra không có gì mới, bởi cái chết là đề tài muôn thuở của tôn giáo, cái chết gây nên một sự sợ hãi trong con người cả về phương diện vật lí lẫn phương diện tâm lí, trong đó phương diện tâm lí là cơ bản, bởi con người sợ hãi cái chết khi nó hoàn toàn khoẻ mạnh, bởi "con người luôn mong muốn được tồn tại vĩnh cửu. Sự mong muốn đó cũng là mong muốn được bảo toàn tính mạng. Mọi người ai cũng muốn sống chứ không ai muốn chết"⁽¹³⁾. Điều đáng nói ở đây là, Feuerbach đã coi sự sợ hãi cái chết của con người như một hình thức tâm lí phổ biến và vận dụng hiện tượng này vào việc giải thích nguồn gốc tâm lí của tôn giáo, coi hiện tượng này như một dạng tình cảm lệ thuộc của con người đối với giới tự nhiên và thần thánh. Và theo Feuerbach, tâm lí sợ hãi cái chết của con người đã

được đền bù trong tôn giáo, mà cụ thể là trong những huyền tích thuộc *Kinh Thánh* của Kitô giáo. "Sự phục sinh của Đức Chúa Giê-su - Feuerbach viết - là nguyện vọng của con người đã được đáp ứng về sự tồn tại cảm tính vĩnh hằng của cá nhân sau cái chết ban đầu"⁽¹⁴⁾.

Từ tình cảm lệ thuộc của con người vào giới tự nhiên làm phát sinh *sự sùng bái hay những hình thức tín ngưỡng tôn giáo* mà cụ thể là: sự cầu nguyện, niệm thần chú, sự cúng tế, lễ hiến sinh... Những hình thức này có gốc rễ từ sự sợ hãi, sự bất lực, sự mất tin tưởng của con người vào sức mạnh của chính mình. Trong các hình thức tín ngưỡng tôn giáo, nhà triết học cổ điển Đức rất quan tâm đến vấn đề cầu nguyện, bởi đây là một hiện tượng tâm lí đặc biệt phản ánh thế giới nội tâm của con người một cách sâu sắc nhất, toàn diện nhất, phản ánh mối quan hệ trực tiếp giữa con người và thần thánh. Feuerbach viết: "Người tín ngưỡng hướng tới Thượng Đế cùng với lời cầu nguyện sùng kính, anh ta tin rằng Thượng Đế sẽ tham dự vào những đau khổ, những mong muốn của anh ta... tin rằng Thượng Đế sẽ nghe thấy tiếng nói của anh ta trong lúc cầu nguyện"⁽¹⁵⁾. "Bản chất thâm kín của tôn giáo được bộc lộ trong lời cầu nguyện... trong cầu nguyện, con người hướng một cách trực tiếp tới Thượng Đế, cho nên Thượng Đế đối với con người là nguyên nhân trực tiếp thực hiện lời cầu nguyện"⁽¹⁶⁾. Theo cách nhìn hiện đại thì sự cầu nguyện thể hiện chức năng an ủi -

11. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 607-608.

12. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 527.

13. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 167.

14. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 167.

15. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 86.

16. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 86.

đền bù hư ảo của tôn giáo, trong sự cầu nguyện đó hoặc phần nào làm dịu bớt đi mọi nỗi đau khổ, mất mát của con người mà nó đã gánh chịu trước đó trong cuộc sống, hoặc thể hiện những lời cảm ơn của con người đối với thần thánh, hoặc xin thần thánh xá tội cho, bởi vậy cầu nguyện là hình thức phổ biến của mọi tôn giáo và cũng nhờ hình thức tín ngưỡng này mà tôn giáo thu hút được đa số công chúng.

Sự sùng bái như đã nói trên gắn liền với những hình thức tôn giáo ban đầu trong xã hội nguyên thủy. Feuerbach cho rằng, hình thức tôn giáo ban đầu (nói theo ngôn ngữ của Hegel chính là *tôn giáo tự nhiên*) đó là *bái vật giáo* (fetishism), tức sùng bái các đối tượng của giới tự nhiên có tác động lớn đến đời sống của con người như mặt trăng, mặt trời, sấm chớp, các cây cỏ thụ (thần cây đa, ma cây đề). Tiếp đến là hình thức *thờ vật tổ* (totemism), tức sùng bái các loại động vật có ảnh hưởng lớn đến đời sống và nền sản xuất của con người như chim, thú, cá. Chính điểm này thể hiện niềm vui, sự biết ơn và tình yêu của con người đối với thiên nhiên, bởi thiên nhiên chính là nguồn sống của con người, niềm động viên an ủi họ trong cuộc sống, trong lao động sản xuất khi họ hái lượm được nhiều cây trái, săn bắt được nhiều muông thú. Tiếp sau phong tục thờ vật tổ là việc *thờ cúng tổ tiên* nhằm mục đích tưởng nhớ cũng như báo ân những người đã sinh thành, nuôi dưỡng một dòng họ, một tộc người nào đó - đây là hình thức đặc thù của tôn giáo Phương Đông.

Theo Feuerbach, những hình thức tín ngưỡng sơ khai như đã nói trên là cơ sở cho việc xuất hiện *đa thần giáo* (polytheism) và sự xuất hiện đa thần giáo

là bước chuyển tiếp trung gian để từ đó hình thành *độc thần giáo* (monotheism). Sự xuất hiện của độc thần giáo thể hiện bước tiến vượt bậc hay một bước đột phá trong đời sống tâm lí, trong nhận thức cũng như trong đời sống hiện thực của con người, nó phản ánh sức mạnh vượt trội của con người đối với giới tự nhiên. Về vấn đề này Feuerbach viết: "Niềm tin vào Thượng Đế hoặc là niềm tin vào tự nhiên (bản chất khách quan) với tính cách là một tồn tại người (chủ quan), hoặc là niềm tin vào tồn tại người với tính cách là bản chất tự nhiên. Niềm tin thứ nhất là niềm tin của tôn giáo tự nhiên hay chủ nghĩa đa thần, niềm tin thứ hai là niềm tin của tôn giáo tinh thần con người hay là chủ nghĩa độc thần. Chủ nghĩa đa thần hiến thân mình cho tự nhiên, nó dâng tặng cho tự nhiên con mắt và trái tim người; chủ nghĩa độc thần hiến thân tự nhiên cho chính mình, bằng trái tim và con mắt người. Chủ nghĩa độc thần phân định sức mạnh và quyền lực trước tự nhiên. Chủ nghĩa đa thần đặt tồn tại con người trong sự lệ thuộc tự nhiên. Chủ nghĩa độc thần đặt tự nhiên trong sự lệ thuộc tồn tại người; chủ nghĩa đa thần khẳng định: Nếu không có tự nhiên thì sẽ không có tôi; chủ nghĩa độc thần khẳng định ngược lại: Nếu không có tôi thì sẽ không có vũ trụ, không có tự nhiên"⁽¹⁷⁾. Phân tích luận điểm trên của Feuerbach chúng ta thấy, sự xuất hiện của các hình thức tôn giáo khác nhau phản ánh bước chuyển tâm lí của xã hội loài người từ hình thái đơn giản tự phát lên hình thái phức tạp tự giác.

Dựa trên việc nghiên cứu cụ thể các hình thức tôn giáo của các dân tộc khác nhau trên thế giới, Feuerbach đi đến kết

17. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 481.

luận rằng: Sự khác nhau giữa các thần thánh phản ánh sự khác nhau giữa các khát vọng của con người. Bởi thế người Hy Lạp không công nhận (không kính phục) thần thánh của người La Mã, vì thần thánh của người La Mã không phù hợp với lòng mong muốn của người Hy Lạp. Nhìn chung tôn giáo đa thần có tính địa phương, uy quyền của thần linh chỉ giới hạn trong lãnh địa của mình. Sự xuất hiện của Kitô giáo (Christianism) là một bước chuyển cơ bản từ đa thần giáo đến độc thần giáo. Thượng Đế (mà cụ thể là Đức Chúa Trời trong Kitô giáo) không còn giới hạn trong một dân tộc mà đã được toàn cầu hoá. Về bản chất của tôn giáo này, Feuerbach viết: "Đối với người theo đạo Kitô có một nguyên nhân tự do của giới tự nhiên, một vị chúa tể của giới tự nhiên mà giới tự nhiên buộc phải tuân theo ý chí và lời nói của vị đó, có một Thượng Đế không bị ràng buộc bởi tính tất yếu, bởi quan hệ nhân quả, bởi dây xích trói buộc. Trong khi đó, Thượng Đế đa thần giáo gắn liền với tính tất yếu của giới tự nhiên và thậm chí không có khả năng cứu thoát những đệ tử của mình khỏi định mệnh của tử thân"⁽¹⁸⁾. Hơn thế, trong Kitô giáo đã có một hệ thống giáo lí tương đối đầy đủ, hệ thống giáo lí đó được củng cố bằng những huyền tích về phép màu của chúa: "Phép màu là một phần tồn tại của Kitô giáo, là nội dung cơ bản củng cố niềm tin của tôn giáo này... Phép màu đó làm no lòng những người đang đói, sáng mắt những người mù, làm cho người câm nghe được, người điếc thắm âm, cứu nguy những người gặp nạn, làm cho người chết sống lại theo mong ước của những người thân. Cho nên, phép màu làm thoả mãn mọi mong ước của con người mà không phải lúc nào họ cũng có thể thực hiện được"⁽¹⁹⁾.

Như vậy, sự xuất hiện của Kitô giáo phản ánh một hệ tâm lí chung của đại đa số công chúng muốn có một vị thần hộ mệnh, bảo vệ quyền lợi chung cho tất cả mọi người trong giai đoạn lịch sử khi các bộ tộc, bộ lạc đến thời kì tan rã, từ đó có thể thiết lập một cộng đồng người to lớn hơn - dân tộc và liên minh giữa các dân tộc, tức quốc gia và quốc tế.

1.2. Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo.

Quan niệm về nguồn gốc nhận thức của tôn giáo ở Feuerbach gắn liền một cách trực tiếp với quan điểm nhận thức luận của ông, theo đó thì nhận thức của con người là kết quả tác động của thế giới bên ngoài lên các giác quan nhận biết, làm phát sinh ra cảm giác. Điều đó có nghĩa là, con người có thể nhận thức được giới tự nhiên một cách trọn vẹn thông qua các giác quan nhận biết của mình. Với nghĩa như vậy, Feuerbach viết: "Ánh sáng tồn tại không phải để cho con mắt nhìn, song con mắt tồn tại bởi vì có ánh sáng, tương tự như vậy, không khí tồn tại không phải để cho con người hít thở, con người hít thở bởi vì có không khí, bởi vì không có không khí thì sẽ không có cuộc sống. Tồn tại một mối quan hệ tất yếu giữa thế giới vô cơ và thế giới hữu cơ. Mối quan hệ này chính là cơ sở, là bản chất của cuộc sống. Bởi vậy, chúng ta không có căn cứ nào để giả định rằng, nếu như con người có nhiều cảm giác hay nhiều cơ quan thì nó sẽ hiểu biết được nhiều thuộc tính hay nhiều sự vật của tự nhiên hơn... con người đã có vừa đủ những giác quan cần thiết để cảm nhận thế giới trong tính

18. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 750.

19. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 161.

toàn vẹn và tính tổng thể của nó"⁽²⁰⁾.

Dựa trên cơ sở lí luận đó, Feuerbach tiến hành phân tích nguồn gốc nhận thức của tôn giáo, ông cho rằng, việc phát sinh ra các quan niệm về tôn giáo nói chung, về Thượng Đế nói riêng gắn liền với sự phát triển của tư duy trừu tượng. Nhờ sự phát triển của tư duy trừu tượng, con người đã khái quát hoá, trừu tượng hoá các sự vật, hiện tượng riêng lẻ trong giới tự nhiên thành những khái niệm chung. Nhưng sai lầm của con người là ở chỗ đã tuyệt đối hoá các khái niệm đó, biến chúng thành những tồn tại tinh thần độc lập. Feuerbach lấy sự hình thành khái niệm không gian- thời gian làm ví dụ: "Mặc dầu con người đã từ những sự vật có tính không gian và thời gian để khái quát hoá thành khái niệm không gian và thời gian, song con người lại biến các khái niệm này thành nguyên nhân đầu tiên và điều kiện tồn tại của các sự vật đó. Vì vậy, con người quan niệm rằng, thế giới tức là toàn bộ các sự vật hiện thực, các vật thể, nội dung của thế giới đã xuất hiện trong không gian, trong thời gian. Thậm chí ngay cả Hegel cũng cho rằng vật chất không xuất hiện trong không gian và thời gian mà từ không gian và thời gian. Chính vì thế con người gán cho không gian và thời gian một khái niệm chung tách khỏi các đối tượng riêng biệt cảm tính, trong triết học không gian và thời gian được hiểu dưới dạng là những bản chất chung, trong tôn giáo đa thần - dưới dạng các thần thánh, trong tôn giáo độc thần - dưới dạng các tính chất của thần, và cũng chính vì vậy con người đồng nhất không gian và thời gian với thần thánh"⁽²¹⁾. Như vậy, khái niệm không gian và thời gian với tính cách là

những khái niệm trừu tượng đã bị con người biến thành những khái niệm tồn tại độc lập. Từ đó Feuerbach đi đến kết luận: "Chúng ta có những ví dụ trực quan sinh động để chứng minh rằng, trong những biểu tượng tôn giáo nói chung, con người biến cái chủ quan thành cái khách quan, nghĩa là làm cái tồn tại trong tư duy, trong tri giác, trong tưởng tượng của mình thành cái tồn tại ngoài tư duy, ngoài tri giác, ngoài tưởng tượng"⁽²²⁾.

Theo Feuerbach vấn đề nêu trên là những ví dụ điển hình cho việc hình thành khái niệm về Thượng Đế với tính cách là một khái niệm tối cao thống trị toàn thế giới. Khái niệm Thượng Đế xuất hiện ban đầu như là một tập hợp các tính chất điển hình của nhiều sự vật, hiện tượng trong tự nhiên vào một thực thể thống nhất, vào một cái tên. Bởi vậy, "Thượng Đế đối với tư duy trừu tượng chính là đối tượng cơ bản... là tập hợp các tên gọi, các tên gọi hình dung phi tồn tại, phi vật chất, phi thực thể, tổng hợp tạo thành thực thể tối cao - thực thể của mọi thực thể"⁽²³⁾.

Việc phát sinh ra các quan niệm thần thánh, theo Feuerbach, gắn liền một cách chặt chẽ với bản chất nhận thức của con người và tính mục đích trong các hoạt động của nó. Đó là việc khi con người muốn kiến tạo một vật dụng nào đó thì trước hết trong đầu óc anh ta liền xuất hiện khuôn mẫu của vật đó (cái mà Aristote gọi là nguyên nhân hình thức) cũng như mục đích của nó (cái mà Aristote gọi là nguyên nhân mục đích)

20. Feuerbach. *Sđđ.*, t. II, tr. 632-633.

21. Feuerbach. *Sđđ.*, t. I, tr. 621.

22. Feuerbach. *Sđđ.*, t. II, tr. 773.

23. Feuerbach. *Sđđ.*, t. II, tr. 867.

sau đó mới tiến hành công việc kiến tạo (cái mà aristote gọi là nguyên nhân hành động). Nhưng nếu không hiểu mối quan hệ biện chứng giữa các quá trình trên thì dễ rơi vào quan điểm mục đích luận, tuyệt đối hoá nguyên nhân hình thức và nguyên nhân mục đích, cho rằng vạn vật trong thế giới được sáng tạo nên theo khuôn mẫu và mục đích ban đầu của Thượng Đế. Feuerbach viết: "Niềm tin vào quan niệm cho rằng thế giới, giới tự nhiên được tạo nên bởi một thực thể tinh thần có lí tính còn có một cơ sở khác ngoài những cơ sở mà tôi gọi là triết học. Đó là con người khi sáng tạo nên các vật dụng, thì trong đầu óc anh ta luôn có tư tưởng, hình ảnh, khái niệm về vật dụng đó. Ví dụ, nếu con người xây dựng cái nhà thì trong đầu óc anh ta liền xuất hiện ý tưởng, hình ảnh cái nhà mà anh ta sẽ xây dựng - khuôn mẫu của cái nhà phụ thuộc vào tính mục đích mà con người cần: dùng để ở hay hội họp... Tính mục đích này khi được vận dụng vào sự sáng tạo của giới tự nhiên chính là cơ sở của sự chứng minh thần luận"⁽²⁴⁾.

Khi phân tích nguồn gốc nhận thức luận của tôn giáo Feuerbach đồng thời còn muốn chỉ ra những nhân tố chủ quan trong quá trình nhận thức đã góp phần xuyên tạc, phản ánh sai lệch hiện thực khách quan - đó là vai trò của sự hoang tưởng và trí tưởng tượng; ông viết: "Nguyên nhân lí luận hay nguồn gốc của tôn giáo, của đối tượng tôn giáo, của thần thánh chính là sự hoang tưởng, là sức mạnh của trí tưởng tượng"⁽²⁵⁾.

Feuerbach không phải là người đầu tiên quan tâm đến vai trò của trí tưởng tượng đối với việc hình thành các hình tượng, các ý niệm, các khái niệm tôn giáo,

bởi trước ông các nhà duy vật Pháp và Spinoza cũng đã nhìn thấy điều này. Họ cho rằng, các câu chuyện trong *Kinh Thánh* cũng như các huyền tích riêng biệt khác được sáng tạo nên bởi trí tưởng tượng của con người, chúng phản ánh những lực lượng tự nhiên mà con người chưa hiểu được. Nhưng Feuerbach đi xa hơn các nhà duy vật Pháp và Spinoza ở chỗ, ông đã xem xét sự hoang tưởng trong mối quan hệ với sự ngu dốt và phân tích một cách cặn kẽ sự hoang tưởng cũng như trí tưởng tượng của con người, ông cho rằng "sự ngu dốt của con người là vô tận, và sức tưởng tượng của con người là vô biên; sức mạnh của giới tự nhiên do sự ngu dốt mà mất chỗ dựa và do hoang tưởng mà mất giới hạn đã trở thành sức mạnh của thánh thần... nói tóm lại, bản chất khách quan coi như là chủ quan, bản chất của giới tự nhiên được tách khỏi giới tự nhiên coi như là bản chất của con người - đó là thực thể của Thượng Đế, là bản chất của tôn giáo, là bí mật của chủ nghĩa thần bí và thuật tư biện"⁽²⁶⁾. "Tôn giáo chỉ xuất hiện trong bóng đêm của sự ngu dốt, của sự cấp thiết, của sự bất lực và thiếu văn hoá; tôn giáo xuất hiện trong những điều kiện mà sức tưởng tượng thống trị mọi sức mạnh và trạng thái tinh thần để kích động khác của con người"⁽²⁷⁾.

Từ tầm nhìn của một nhà duy vật, Feuerbach đã nhìn thấy mối quan hệ trực tiếp giữa điều kiện tự nhiên và sức tưởng tượng của con người. Theo ông "sức tưởng tượng mà con người vận dụng để sáng tạo

24. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 629.

25. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 690.

26. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 850.

27. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 724.

nên Thượng Đế ban đầu liên quan trực tiếp với giới tự nhiên. Đó là các hiện tượng tự nhiên mà con người cảm thấy lệ thuộc, các hiện tượng gây nên ấn tượng đặc biệt cho đời sống con người như nước, lửa, đất, mặt trời, mặt trăng..."⁽²⁸⁾. "Thượng Đế siêu hình không phải là cái gì khác mà là tổng thể các thuộc tính chung rút ra từ giới tự nhiên; tổng thể đó đã được con người tách ra khỏi thực thể cảm tính, khỏi tính vật chất của giới tự nhiên và nhờ sức tưởng tượng của con người biến giới tự nhiên thành một chủ thể tồn tại độc lập, tức Thượng Đế"⁽²⁹⁾. "Thượng Đế là giới tự nhiên trừu tượng, nghĩa là giới tự nhiên được trừu tượng hoá từ trực quan cảm tính, được tư tưởng hoá và biến thành một khách thể, thành một thực thể của lí trí"⁽³⁰⁾.

1.3. Nguồn gốc xã hội của tôn giáo.

Feuerbach chưa trình bày một cách sâu sắc, rõ ràng về nguồn gốc xã hội của tôn giáo, song điều quan trọng là ông đã đặt ra vấn đề này để sau đó Mác có cơ sở lí luận phát triển thêm từ quan điểm duy vật lịch sử của mình.

Trên cơ sở phân tích các hình thức phát triển của tôn giáo trong lịch sử, Feuerbach cho rằng, sự chuyển biến của đời sống chính trị - xã hội kéo theo sự thay đổi chức năng của thần thánh. Người đa thần giáo là nô lệ của tự nhiên, thần thánh ở giai đoạn này cũng có chức năng tự nhiên. Bước sang giai đoạn độc thần giáo, khi trong xã hội xuất hiện những chúa đất thì sự lệ thuộc của công chúng vào các lực lượng tự nhiên chuyển sang sự lệ thuộc của họ vào các điều kiện

xã hội. Feuerbach nói rất chí lí rằng, ánh sáng mặt trời làm loá mắt người nô lệ của giới tự nhiên đến nỗi hàng ngày nó phải cầu nguyện mặt trời, người nô lệ chính trị cũng bị ngai vàng của hoàng đế làm loá mắt đến nỗi nó phải phủ phục trước nhà vua như trước cái lực lượng linh thiêng mà sự tồn tại của nó phụ thuộc vào đó. Đối với người nô lệ thì chủ cũng là thần, đối với người theo đạo Kitô thì vua chính là thần ở chốn trần gian. "Bí mật của đức chúa ba ngôi là bí mật của đời sống xã hội - bí mật của tôi và bạn"⁽³¹⁾.

Dựa trên việc phân tích một cách toàn diện về nguồn gốc phát sinh của tôn giáo, Feuerbach có cơ sở khoa học để đi đến kết luận: "Không phải Thượng Đế đã sáng tạo nên con người theo hình dáng của mình như đã miêu tả trong *Kinh Thánh*, mà chính con người đã sáng tạo nên Thượng Đế theo hình dáng của mình... mọi Thượng Đế đều là *tồn tại* được sáng tạo nên bằng trí tưởng tượng... chính sức mạnh của trí tưởng tượng đã hướng vào những tính chất cơ bản của con người. Con người u sầu, ốm yếu phản ánh tâm trạng của mình trong hình ảnh một Thượng Đế tương tư, con người vui vẻ thì ngược lại, họ miêu tả Thượng Đế với bộ mặt tươi tỉnh, sáng ngời. Tính đa dạng của con người quy định tính đa dạng của Thượng Đế"⁽³²⁾.

(Kì sau đang tiếp)

28. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 703.

29. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 853.

30. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 605.

31. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 337.

32. Feuerbach. Sđd., t. II, tr. 701.